

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2018/HNGĐ-PT
Ngày 31-8-2018
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tấn Quốc

Các Thẩm phán:

Bà Lê Thị Kim Nga

Ông Nguyễn Ngọc Ân

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Sang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 40/2018/TLPT-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2018 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

Do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 21/2018/HNGĐ-ST ngày 06 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện T bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 51/2018/QĐ-PT ngày 17 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Cẩm L, sinh năm: 1988;

Địa chỉ cư trú: Ấp 4, xã L, huyện T, tỉnh Long An.

- *Bị đơn:* Anh Bùi Đức L, sinh năm: 1988;

Địa chỉ cư trú: Ấp B, xã B, huyện T, tỉnh Long An.

- *Người kháng cáo:* Anh Bùi Đức L, bị đơn.

(Các đương sự có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 04 tháng 4 năm 2018 và trong quá trình xét xử nguyên đơn, chị Trần Thị Cẩm L trình bày như sau:

Do quen biết và sự đồng ý của gia đình hai bên nên năm 2014 chị và anh Bùi Đức L có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện T, tỉnh Long An vào ngày 14/5/2014.

Sau khi cưới vợ chồng sinh sống chung bên nhà chồng ở xã B. Thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc nhưng khoảng tháng 6 năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do anh L thường xuyên chơi cờ bạc gây ra nhiều nợ nần mặc dù chị đã nhiều lần khuyên bảo và cho anh L cơ hội sửa chữa nhưng anh L vẫn không thay đổi, chị và anh L chính thức ly thân từ tháng 11/2017 cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu ly hôn với anh Bùi Đức L.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Bùi Ngọc H, sinh ngày 08/6/2015, hiện đang sống với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu tiếp tục nuôi con và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản: Vợ chồng thống nhất không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nghĩa vụ trả nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn, anh Bùi Đức L trình bày:

Anh thống nhất với chị L về thời gian cưới, thời gian vợ chồng đăng ký kết hôn, thời gian ly thân, tuy nhiên nguyên nhân mâu thuẫn thì không đúng như chị L trình bày anh không có cờ bạc, nợ nần mà vì anh có đầu tư vốn chăn nuôi nhưng bị thua lỗ nên có nợ. Anh vẫn chăm lo cho vợ con đầy đủ chứ không bỏ bê. Nay chị L yêu cầu ly hôn thì anh cũng đồng ý.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên là Bùi Ngọc H, sinh ngày 08/6/2015, hiện đang sống với chị L. Nếu phải ly hôn, anh cũng yêu cầu được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ trả nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 21/2018/HNGĐ-ST ngày 06 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện T áp dụng khoản 1 Điều 28; Điều 35; 39; 147; 227, 271; 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 51; 55; 57; 58; 81; 82; 83; 84 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị Cẩm L và anh Bùi Đức L.

Về nuôi con chung:

Chị Trần Thị Cẩm L được tiếp tục nuôi con tên là Bùi Ngọc H, sinh ngày 08/6/2015. Anh Bùi Đức L không phải cấp dưỡng nuôi con, nhưng được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí; quyền kháng cáo; quyền yêu cầu, nghĩa vụ và thời hiệu thi hành án.

Ngày 19/6/2018 anh Bùi Đức L kháng cáo yêu cầu trực tiếp nuôi con.

Tại phiên tòa phúc thẩm, chị L không rút đơn khởi kiện, anh L vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, các bên không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và có ý kiến trình bày như sau:

Anh Bùi Đức L trình bày: Chị L thường xuyên làm việc về khuya, chỉ ngủ với con, thời gian còn lại giao con cho bà ngoại giữ, cách chăm sóc con của chị L cũng chưa được chu đáo, nhất là lúc con bị bệnh. Còn anh có điều kiện gần gũi và chăm sóc con tốt hơn nên yêu cầu được trực tiếp nuôi con.

Chị Trần Thị Cẩm L trình bày: Do anh L gây ra nợ nần nên ngoài giờ làm việc tại Trường mầm non thì chị còn phải bán hàng qua mạng để kiếm thêm thu nhập và thời gian giao hàng cho khách là không ổn định. Nhưng chị vẫn chăm sóc con chu đáo không như lời trình bày của anh L nên không đồng ý yêu cầu được trực tiếp nuôi con của anh L.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về chấp hành pháp luật: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng những quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Cháu Hiếu là bé gái mới hơn 3 tuổi và đang sống với chị L, anh L và chị L đều có điều kiện nuôi dưỡng con như nhau. Nhưng con đang ở chung với chị L, chị L còn là giáo viên mầm non nên việc chăm sóc nuôi dạy con sẽ dễ dàng hơn anh L. Tại phiên tòa, anh L cũng thừa nhận rằng cha nuôi con sẽ không chu đáo bằng mẹ. Vì vậy, cấp sơ thẩm xử giao con cho chị L nuôi dưỡng là phù hợp. Anh L kháng cáo không có chứng cứ gì khác nên không có căn cứ chấp nhận, đề nghị giữ y án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Xét kháng cáo của anh L thấy rằng:

[2] Anh L và chị L đã ly thân từ tháng 11 năm 2017 và chị L đưa con về bên nhà mẹ chị L sinh sống đến nay. Cả anh L và chị L đều có điều kiện nuôi dưỡng con chung nhưng chị L còn là giáo viên mầm non nên việc chăm sóc nuôi dưỡng con sẽ dễ dàng hơn anh L, anh L cũng thừa nhận rằng cha chăm sóc con thật sự không bằng mẹ. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xử giao con cho chị L nuôi dưỡng là phù hợp. Anh L kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ gì khác nên không có căn cứ chấp nhận. Anh L phải chịu án phí phúc thẩm.

[3] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên là có căn cứ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của anh Bùi Đức L.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, 39, 147, 148 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51; 55; 57; 58; 81; 82; 83; 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 27, 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị Cẩm L và anh Bùi Đức L.

2. Về nuôi con chung:

Chị Trần Thị Cẩm L được quyền tiếp tục nuôi con chung tên là Bùi Ngọc H, sinh ngày 08/6/2015.

Anh Bùi Đức L không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84, khoản 2 Điều 116 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí sơ thẩm: Chị Trần Thị Cẩm L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, nhưng được trừ 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0006323, ngày 16/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T; chị L đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

4. Về án phí phúc thẩm: Anh Bùi Đức L phải chịu 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên

lai thu số 0006390, ngày 19/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T; anh L đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Tp. Hồ Chí Minh
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Tấn Quốc